

DECORATIVE ART ON BRONZE BELLS AT SOME VILLAGE PAGODAS IN HUE CITY

Phan Le Chung^a
Nguyen Thi Hien Le^b; Le Thi Thu Huong^c

^{a,b}University of Arts, Hue University

Email: ^aplchung@hue.edu.vn; ^bnthienle@hueuni.edu.vn

^cDanang University of Architecture

Email: huonglth@dau.edu.vn

Received: 19/12/2024; Reviewed: 30/12/2024; Revised: 05/01/2025; Accepted: 13/01/2025; Released: 28/02/2025

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/419>

Village pagodas have an important role and position in the spiritual life of people in Hue city. Through many historical changes, many valuable treasures in the pagoda were damaged and lost, but most of the village pagoda bells are still carefully preserved and maintained by the people. Pagoda bells are not only religious instruments but also works of art and sculpture, bearing information about the era, history, culture, doctrine, characteristics of each period... they are treasures in the treasury of Vietnamese cultural heritage. The article mentions the decoration system on bronze bells at some pagodas in the countryside of Hue city, with unique features, creating a distinct mark, serving as the basis for building image data and vector data for research and application.

Keywords: Decoration; Bronze bell; Preserving Buddhist culture; Village pagoda; Hue city.

1. Đặt vấn đề

Huế là một thành phố nằm ở ven biển Bắc miền Trung Việt Nam, với vị trí địa lý phía Bắc giáp tỉnh Quảng Trị, phía Nam giáp thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, phía Tây giáp Lào và phía Đông giáp biển Đông. Theo dòng lịch sử, Huế từng là một phần lãnh thổ của Chiêm Thành, là vùng đất Đàng Trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh vào thế kỷ 17-18 và là kinh đô của triều Nguyễn, triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam từ năm 1802 đến năm 1945. Đây cũng là nơi có sự ảnh hưởng của thực dân Pháp trong giai đoạn chiến tranh chống Pháp (1885-1916). Về các sự kiện lịch sử này, sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn viết “*Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 14 (1306), Bình Ngô, vua Chiêm Thành là Chế Mân sai sứ dâng biểu cầu hôn. Vua xuống chiếu đem Huyền Trân công chúa gả cho. Chế Mân đem hai châu Ô, Lý làm vật cưới...vua sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đến tuyên bố đức ý, đổi Ô, Lý làm hai châu Thuận Hoá*” (Đôn, 2007, tr.40), “*Năm đầu Chính Trị (1558), sai Đoàn quận công (tức Nguyễn Hoàng) vào trấn thủ Thuận Hoá*” (Đôn, 2007, tr.61), “*Gia Tông, Dương Đức năm thứ 1 (1672). Nhân Tý, ... tháng 12, ... Xa giá cũng rút về kinh. Sai quan trấn thủ xứ Nghệ An, kiêm Đốc suất châu Bố Chính, đóng ở Dinh cầu Hà Trung, chia quân giặc động đồn ở trang Thủy Thành, xã Tô Xá, châu Bố Chính để phòng thủ nghiêm ngặt, lấy Đại Linh Giang (sông Gianh) làm phân giới. Từ đây Nam Bắc không đánh nhau nữa*” (Đôn, tr.74-76). Với đặc điểm lịch sử như trên, có thể nói Huế là vùng đất có sự giao thoa văn hoá đặc biệt của Đại Việt - Chiêm Thành, của Đàng Ngoài - Đàng Trong, ảnh hưởng của văn hoá phương Tây cũng như văn

hoá dân gian - cung đình trong nghệ thuật.

Dưới triều Nguyễn, Huế được xem là kinh đô Phật giáo với hàng trăm ngôi chùa được dựng lên nơi đây. Mở đầu với việc cho dựng chùa Thiên Mụ trên đồi Hà Khê, thời gian tiếp theo các vua, chúa Nguyễn đã liên tiếp quan tâm đến việc xây dựng, tu bổ chùa chiền như chùa Sùng Hóa, chùa Tư Khách, chùa Vĩnh Ân, chùa Thiên Lâm, chùa Diệu Đế, chùa Giác Hoàng, chùa Quốc Ân, chùa Thuận An, chùa Báo Quốc,... và hàng trăm ngôi chùa đã được dựng lên khang trang đẹp đẽ bởi các hoàng hậu, vương phi, công chúa, những quan lại và những người giàu có cũng như các thiện nam tín nữ.

Bên cạnh những ngôi chùa tại Kinh thành, những ngôi chùa làng tại thành phố Huế mang dấu ấn đặc biệt trong tâm thức cũng như trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây. Và trên những chiếc chuông chùa làng, cùng với văn khắc trên thân chuông, hệ thống những hoa văn trang trí đa dạng, mang tính thẩm mỹ độc đáo, đặc trưng của thời kỳ Phật giáo hưng thịnh đã tạo nên những giá trị văn hóa mỹ thuật có giá trị.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các sách về chùa làng tại Huế chưa có các nghiên cứu cụ thể, tuy nhiên có thể kể đến một số công trình về văn hóa, lịch sử có liên quan đến nghiên cứu, như: *Đại Nam nhất thống chí, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Thực lục tiền biên, Quốc triều chánh biên, Phủ Biên Tạp lục* (Đôn, 2007); *Sự đa dạng văn hoá và đối thoại giữa các nền văn hoá một góc nhìn từ Việt Nam* (Nam, 2008); *Triều Nguyễn và lịch sử của chúng ta* (Nhiều tác giả, 2018), *Huế và triều Nguyễn* (Lê, 2014),... Về

nghệ thuật trang trí thời Nguyễn tại Huế, có một số công trình, như: *Nghệ thuật khảm sành sứ trong kiến trúc cung đình thời Nguyễn* (Bình, 2022); *Sông Hương, dòng chảy văn hóa* (Tập chí Sông Hương, 2003); *Mỹ thuật Huế* (Cảnh, 1992); *Mỹ thuật thời chúa Nguyễn dân liệu từ di sản lăng mộ* (Thông, 2014)... *Di sản đặc thù của Việt Nam - Kinh đô Huế* (Đỗ Bang, 2023); *Kiểu Huế* (Son, 2021).

Những công trình nghiên cứu về nghệ thuật Huế còn phải kể đến những cuốn sách nước ngoài được dịch qua tiếng Việt, như: *L'Art à Hue* (Nghệ thuật Huế) của Léopold Michele Cadière và Edmond Gras (Hàng dịch, 2020); *Nghệ thuật và Nghệ nhân vùng kinh thành Huế* của Léopold Michele Cadière và Edmond Gras (Quang dịch và chú giải, 2019); *Hồi ức về kinh thành Huế* của Michel Đức Chaigneau (1803-1894) (Quang dịch và chú giải)... *Mỹ thuật châu Á quy pháp tạo hình, phong cách* của Jeannine Auboyer (Trảng., & Hương dịch); *Những người bạn Cổ đô Huế* (viết tắt là B.A.V.H, Linh mục Léopold Cadière và cộng sự)...

Các chùa làng được nhắc đến khá nhiều trong các ấn phẩm nghiên cứu chung về Phật giáo Huế, như: *Lịch sử Phật giáo xứ Huế* của thượng tọa Thích Hải Ân và phật tử Hà Xuân Liêm viết về lịch sử 400 năm Phật giáo trên đất Huế; *Những Chùa tháp Phật giáo ở Huế* (Liêm, 2008) với các bài viết về các trú trì, kiến trúc, các pháp tượng, pháp khí... tại chùa. Cụ thể về các chuông chùa Huế có ấn phẩm Văn bia và văn chuông Hán Nôm dân gian Huế của tác giả Trần Đại Vinh hay các bài viết trên tạp chí nghiên cứu Phật giáo Liễu Quán.

Mặc dù, đã có một số đề cập đến các chuông tại chùa làng thành phố Huế nhưng hầu hết các bài viết chỉ đề cập chính yếu đến phần văn khắc trên chuông mà lược qua phần hệ thống trang trí trên chuông, theo nhóm nghiên cứu, đây cũng là một phần quan trọng phản ánh về mỹ thuật Phật giáo cũng với những giá trị đặc biệt trong hệ thống Mỹ thuật Huế nói riêng và mỹ thuật Việt Nam nói chung.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản như: Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp tổng hợp từ các sách, tạp chí,... Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu phân tích, làm rõ nội dung nghiên cứu liên quan đến nghệ thuật trang trí trên Chuông Đồng tại một số chùa làng ở thành phố Huế.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Những chiếc chuông chùa làng ở thành phố Huế

Ở Huế hiện có hơn 100 ngôi chùa cổ, là những ngôi chùa có niên đại thành lập từ trước thời chúa Nguyễn cho đến năm 1945, nhiều chùa trong số đó là các ngôi chùa làng. Gần như mỗi làng đều có ngôi chùa riêng của mình, có những ngôi làng có hai chùa hoặc nhiều hơn hai chùa.

Trong chùa, chuông và trống được đặt ở vị trí trang trọng trong chánh điện, thường là chuông

bên trái, trống bên phải. Chuông chùa làng thường không lớn, hông chung thường có kích thước khoảng từ 140cm đến 80cm, do người trong làng hoặc thiện nam tín nữ đồng tâm góp tiền của, công sức đúc tạo, có những chiếc chuông do các quan viên hay hoàng thất phụng cúng. Trên chuông có các hoa văn, được phân bố ở vai quai chuông, vai chuông, thân chuông và vành chuông. Ngoài ra, trên thân chuông còn có các chữ triện, bài kệ và bài minh. Những chiếc chuông chùa làng mang giá trị lịch sử qua những văn khắc trên chuông và hệ thống trang trí trên đó, phản ánh những giá trị lịch sử, văn hóa cũng như giá trị về mỹ thuật của chuông.

Nghiên cứu được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu từ trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế và Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, thông qua quá trình nghiên cứu điền dã, đo đạc, chụp ảnh và ghi chú số liệu tại các chùa Cảnh Phước làng Cao Đồi, chùa Hội Thượng làng Thượng An, chùa La Chử làng La Chử, chùa Linh Sơn làng Dạ Lê Thượng, chùa Nam Sơn làng Thanh Thủy Thượng, chùa Quang Bảo làng Phú Lễ, chùa Thanh Lương làng Thanh Lương, chùa Phước Yên làng Phước Yên, chùa Thiện Khánh làng Bắc Vọng Tây và chùa làng Bắc Vọng Đông.

4.2. Hệ thống trang trí trên một số chuông chùa làng ở thành phố Huế

Cấu trúc chuông chùa làng tương tự như các chuông chùa khác tại Việt Nam, tính từ phía trên xuống bao gồm quai chuông, vai chuông, thân chuông và vành chuông. Quai chuông được tạo hình bồ lao (Vinh., & Hùng, 2008), có hai đầu, hai chân và ức tỳ vào vai chuông, dùng để treo chuông. Vai chuông có trang trí hoa lá mảnh chạy vòng quanh hoặc không có trang trí.

Thân chuông chuông chia làm nhiều phần, mỗi phần có bốn mặt. Trên thân chuông thường có trang trí các dây họa tiết lá đề, họa tiết góc, chữ triện, bát bửu, các họa tiết kỷ hà, họa tiết hình hoa chanh, bát bửu, các dây họa lá, tứ linh, họa tiết rồng đuôi hay lưỡng long châu nhật. Phần nùm đánh chuông thường có trang trí họa tiết mây mũi mác và các chấm tròn chuỗi tràng hạt xung quanh. Phần vành chuông trang trí họa tiết thủy ba, hoa lá hoặc không có trang trí.

* Chuông chùa làng Cao Đồi (Chùa Cảnh Phước)

Chùa Cảnh Phước làng Cao Đồi, thành phố Huế khác với đại đa số các ngôi chùa trong khu vực, đây không chỉ là nơi thờ Phật mà còn là nơi phục vụ cho các tín ngưỡng tâm linh khác, đồng thời là nơi lưu giữ các hiện vật xưa của Cao Đồi. Năm 1941, chùa được vua ban cho bức Đại tự sơn son thiếp vàng đề "Sắc tứ Cảnh Phước tự" treo trong gian giữa, thể hiện sự công nhận và quan tâm của triều đình.

Đại hồng chung chùa Cảnh Phước cao 86cm, đường kính miệng chuông 43cm. Quai chuông được tạo hình tinh xảo, có độ cong lớn. Hình bồ lao có nhiều chi tiết, thân nhỏ, được bao phủ bởi các vảy tròn hình đồng xu, giữa vảy có

châm tròn nhỏ cùng với hình sóng nước, vân mây kiểu xoắn ốc. Đuôi bồ lao được tạo hình với các tua dài mảnh, một mặt nối với thân, mặt bên kia tạo hình núm đuôi xòe ra như hình cánh hoa.

Vai chuông không có họa tiết. Thân chuông trang trí hoa văn góc hình kỷ hà. Phía trên, chính giữa ô có bốn chữ triện được viết kiểu phóng khoáng trong trang trí hình lá bồ đề. Nón núm chuông được bao quanh bởi các châm tròn hình tràng hạt. Ở phần hàng ngang phía dưới sát miệng chuông là trang trí Tứ linh, Phần vành chuông không có trang trí.

** Chuông chùa làng Thượng An (Chùa Hội Thượng)*

Chùa Hội Thượng còn có tên là Niệm Phật đường An Cát, được thành lập vào đầu những năm 1870, tọa lạc tại làng Phò Ninh, thôn Thượng An, xã Phong An, thành phố Huế.

Một trong những bảo vật được chùa Hội Thượng gìn giữ, bên cạnh chiếc vạc đồng thời Minh Mạng là đại hồng chung được đúc vào năm 1826, năm Minh Mạng thứ 7. Hồng chung cao 97cm, đường kính miệng chuông 50cm, theo phân ghi lại trên thân chuông do ngài Vũ khó Thiêm sự có tên Trần Văn Hoảng, tước vị Hoảng Đức hầu, đứng ra làm Hội chủ, vận động dân làng đúc chuông.

Quai chuông tạo hình hai con bồ lao, ở phía trên có hình búp sen nối giữa hai thân bồ lao. Thân bồ lao tròn, nối với nhau tạo thành một hình vòng cung cao, trên thân bao phủ vảy với các nét khắc, kích cỡ vảy không đồng đều. Chân bồ lao nhỏ, khuỷu chân có ba vây nhọn, có bốn móng, các móng cùng với phần ức tỳ vào chuông.

Vai chuông chia làm hai đường tròn, không có trang trí. Thân chuông chia thành ba hàng, góc có trang trí các con bướm dơi với nét tả tị mi. Sát phía trên, ở giữa có bốn chữ triện Xuân, Hạ, Thu, Đông vuông vức. Bốn núm đánh chuông bên ngoài có 1 gờ tròn bao quanh, không có trang trí. Phần vành chuông không có trang trí.

** Chuông chùa làng La Chử*

Làng La Chử thuộc huyện Hương Trà, thành phố Huế. Ngôi chùa làng được xây dựng thời chúa Nguyễn Phúc Tần, từng được Võ Vương Nguyễn Phúc Hoạt ban sắc tứ gọi là Chúc Thánh Đạo tràng. Ngôi chùa còn có các sắc phong thời Duy Tân và Khải Định.

Chuông chùa làng La Chử được xem là một quả chuông quý bởi đây là một quả chuông từ thời Tây Sơn còn lại ở Huế. Chuông được đúc vào năm 1791, năm Quang Trung thứ 4, do vị võ tướng thời Tây Sơn là Võ Văn Dũng và vợ Lê Thị Vy cùng với thân phụ bà Lê Thị Vy là ông Lê Công Học phụng cúng cho chùa. Toàn bộ chuông cao 120cm, đường kính miệng chuông 66cm, thân chuông hơi cong bầu lên ở giữa.

Phần quai chuông cao 30cm, được tạo hình con bồ lao có hai đầu. Thân bồ lao lớn, hai phần thân nối với nhau tạo thành một cung tròn đều, các vây bao phủ thân tạo khối nổi, bên trong vây lớn có vây nhỏ hơn. Chân bồ lao lớn, khuỷu chân có u xoắn ốc, bàn

chân có bốn móng dài, nhọn bám vào thân chuông cùng với phần ức bồ lao.

Phần vai chuông ngắn, không có trang trí. Thân chuông có bốn chữ triện Xuân, Hạ, Thu, Đông được trang trí trong hình lá đề cách điệu. Bên trái phải các chữ được trang trí các hình theo kiểu thức bát bửu. Ở hai góc trái phải bên dưới có hình các võ tướng cầm các loại khí giới. Bốn núm đánh chuông có trang trí hình tràng hạt, được nối với nhau bằng các hồi văn kỷ hà chạy quanh thân chuông. Hàng dưới có các hình Tứ linh được trang trí trong các ô có góc tròn, đường nét tạo hình tỉ mỉ, tinh tế, có một hàng họa tiết hồi văn kỷ hà bên dưới sát vành chuông. Phần miệng chuông hơi khum, không có trang trí.

** Chuông chùa làng Dạ Lê Thượng (Chùa Linh Sơn)*

Chùa Linh Sơn, hay còn gọi là Linh Sơn cổ tự, ở làng Dạ Lê Thượng, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế. Chùa nằm ngay dọc Quốc lộ 1A. Chùa được dựng vào thời Tây Sơn, vào năm Ất Hợi (1694), lúc đầu chùa có tên Tây Sơn, đến năm 1748, thời vua Cảnh Thịnh, chùa được đổi tên thành Linh Sơn cho đến ngày nay.

Quả chuông chùa Linh Sơn được đúc vào năm 1807, thời vua Gia Long năm thứ sáu. Toàn bộ thân chuông cao 132,5cm, phần thân chuông cao 100cm, đường kính miệng chuông 62cm.

Quai chuông được tạo hình bồ lao có hai đầu, thân bồ lao mập tròn, hợp thành vòng cung thấp, thân bao phủ bởi các vây tròn. Dọc trên thân là các vây nhọn, sát dưới vây thân và vây chân và các u xoắn ốc. Chân bồ lao được bao phủ bởi các vây tròn, có bốn móng, cùng với phần ức bám vào thân chuông.

Vai chuông hơi vuông, không có họa tiết. Phần thân chuông có trang trí dây lá đề cách điệu, hai góc dưới trang trí họa tiết đơn giản với các nét cong bộ trí theo tam giác góc. Giữa có một chữ triện lớn thể hiện theo khối hình vuông, bốn ô có bốn chữ triện, giữa các chữ triện là bài kệ thỉnh chuông. Thân chuông có trang trí các hình bát bửu, bát quái, lưỡng long tranh châu. Bốn núm đánh chuông không có trang trí. Vành chuông có trang trí các dây hoa lá.

** Chuông chùa làng Thanh Thủy Thượng (Chùa Nam Sơn)*

Chùa Nam Sơn được thành lập vào năm 1741, năm Cảnh Hưng thứ hai và sau này được vua Minh Mạng sắc phong “Sắc tứ Nam Sơn tự”. Trong chùa có một chiếc hồng chung được đúc vào năm 1936, năm Bảo Đại thứ 12. Toàn bộ chuông cao 80cm, thân chuông cao 60cm, đường kính miệng chuông 39cm.

Quai chuông được tạo hình bồ lao có hai đầu. Phần thân nối với nhau ở giữa, tạo thành một vòng cung tròn đầy đặn. Thân bồ lao được bao phủ bởi các vây tròn như vây cá, dọc theo lưng có các vây nhọn. Chân bồ lao tạo khối hơi dẹt, nhỏ, có bốn móng, cùng với phần ức bám vào chuông.

Phần vai chuông có một đường viền trang trí hình lá bồ đề chạy quanh chuông. Phần thân chuông ở các góc có trang trí họa tiết một phần

tư hoa cúc, dưới là các họa tiết hồi văn kỹ hà hình chữ vạn chạy ngang quanh thân chuông. Bốn núm đánh chuông có trang trí các tia lửa, ở khoảng cách giữa các núm đánh chuông có bốn con rồng. Sát với vành chuông có chuỗi họa tiết hoa chanh nối liền với nhau chạy quanh thân chuông. Vành chuông không có trang trí.

** Chuông chùa làng Phú Lễ (chùa Quang Bảo)*

Chùa Quang Bảo nằm bên dòng sông Bồ, thuộc làng Phú Lễ, xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, thành phố Huế, chiếc chuông chùa được phụng cúng bởi ngài Trương Văn Uyên, một vị quan thời vua Minh Mạng. Chuông được đúc vào năm 1848, toàn bộ quả chuông cao 115cm, thân chuông cao 80cm, đường kính miệng chuông 51cm.

Quai chuông được tạo hình bồ lao có hai đầu với nhiều chi tiết tinh xảo. Phần thân nối với nhau ở giữa, tạo thành một cung tròn cao. Thân bồ lao được bao phủ bởi các vảy tròn, dọc theo lưng có các vây nhọn. Đuôi bồ lao là những dải dài, mềm, chót đuôi cuộn lại, nhìn một mặt là phần xoắn lại, mặt kia là phần cuối của đuôi để thẳng, nhô ra ở phần nối giữa hai thân. Chân bồ lao tạo khối hơi dẹt, nhỏ, có năm móng, cùng với phần ức bám vào chuông.

Phần vai chuông có hai hàng ngang, nhỏ, không có trang trí. Trên thân chuông, góc trái và phải phía trên có trang trí họa tiết hoa lá đơn giản hợp với tam giác góc, ở giữa có bốn chữ triện nổi, nét mềm mại lưu loát, được trang trí trong hình lá đề.

Bốn núm đánh chuông trang trí xung quanh bởi các chấm tròn chuỗi tràng hạt. Nối giữa các núm chuông là hai hàng ngang họa tiết hình hoa chanh, dưới có bốn ô với họa tiết tứ linh. Sát vành chuông có một dải hồi văn kỹ hà. Vành chuông không có trang trí.

** Chuông chùa làng Phước Yên (Chùa Phước Yên)*

Chùa Phước Yên thuộc làng Phước Yên, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, thành phố Huế. Chùa được dựng lên vào thế kỷ thứ 17-18, trước đây có tên là Hà Khê, do đại sư Trí Thiện Thụy Như Tuệ thời chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên khai sơn. Hồng chung của chùa được đúc vào thời Minh Mạng, cao 120cm, thân chuông cao 112cm, đường kính miệng chuông 55cm.

Quai chuông hình bồ lao có hai đầu, được tạo hình chắc khỏe, phần thân nối với nhau ở giữa, tạo thành một vòng cung thấp. Phần nối giữa đầu và thân có các trang trí u nhỏ.

Thân bồ lao được bao phủ bởi các vảy hình bầu dục, dọc theo lưng có các vây hình tam giác. Chân bồ lao tạo thành một cung hơi tròn, có bốn móng, ngắn và lớn, cùng với phần ức bám vào chuông.

Phần vai chuông hơi vuông, không có trang trí. Phần thân chuông có một dãy trang trí hình lá đề cùng với các trang trí theo kiểu thức bát bửu, góc có trang trí họa tiết kỹ hà theo hình tam giác. Các núm đánh chuông không có trang trí. Ở khoảng cách giữa các núm đánh chuông có tám quẻ bát quái.

Bên dưới có trang trí bốn cặp rồng theo kiểu thức lưỡng long tranh châu. Vành chuông trang trí các hình sóng nước uốn lượn.

** Chuông chùa làng Thanh Lương (chùa Thanh Lương)*

Chùa Thanh Lương có một chiếc đại hồng chung được lưu giữ ở phía bên phải chánh điện, được Sử Năng hầu Đặng Văn Hòa và vợ cả Hoàng Thị Quỳnh đúc cúng năm Minh Mạng thứ 12. Toàn bộ hồng chung cao 114cm, thân chuông cao 79cm, đường kính miệng chuông 56cm.

Quai chuông hình bồ lao có hai đầu, cả khối hình bồ lao kết hợp với nhau tạo thành một vòng cung tròn đều. Thân bồ lao được bao phủ bởi các vảy khối nổi, trong mỗi vảy lớn có một vảy nhỏ hơn. Dọc theo lưng có các vây kích thước lớn nhỏ không đồng nhất. Chân bồ lao tạo khối hơi dẹt, nhỏ, có bốn móng, cùng với phần ức bám vào chuông.

Phần vai chuông chia làm hai hàng ngang, không có trang trí. Phần thân chuông có họa tiết góc hoa lá kỹ hà cách điệu, giữa có bốn chữ triện lớn Thanh Lương Tự Chung được bố cục theo lối hình vuông. Bốn núm đánh chuông xung quanh có trang trí các chấm tròn tràng hạt, giữa khoảng cách giữa các núm đánh chuông có hai đường ngang với họa tiết hoa chanh. Bên dưới trang trí các họa tiết tứ linh. Sát vành chuông là một đường diềm nhỏ với các trang trí hoa văn kỹ hà với hình bát giác, hình chữ nhật, hình ngôi sao tám cánh lặp đi lặp lại như họa tiết trên trang phục người dân tộc thiểu số. Vành chuông không có họa tiết trang trí.

** Chuông chùa làng Bắc Vọng Tây (chùa Thiện Khánh)*

Chùa Thiện Khánh được xây dựng từ thời chúa Nguyễn Phúc Chu, tọa lạc tại làng Bắc Vọng Tây, xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, thành phố Huế, được đúc vào năm Thiệu Trị thứ 6, do thượng thư Đặng Văn Hòa phụng cúng. Chuông cao 96cm, thân chuông cao 66cm, đường kính miệng chuông 46cm.

Quai chuông tạo hình bồ lao có hai đầu, thân nối với nhau ở giữa, tạo thành một cung tròn cao. Thân bồ lao được bao phủ bởi các vảy tròn, dọc theo lưng có các vây nhọn. Đuôi bồ lao là những dải dài, mềm, chót đuôi cuộn lại. Chân bồ lao tạo khối hơi dẹt, nhỏ, có năm móng, ngắn và sắc nhọn, độ tách móng rõ ràng, cùng với phần ức bám vào chuông.

Phần vai chuông có ba vòng ngang, nhỏ, không có trang trí. Phần thân chuông ở góc ô trang trí họa tiết hoa lá kết hợp kỹ hà. Bốn núm đánh chuông xung quanh có các chấm tròn chuỗi tràng hạt. Nối giữa các núm chuông là hai hàng ngang họa tiết hình hoa chanh. Bên dưới có các ô với họa tiết tứ linh. Sát vành chuông có một dải hồi văn kỹ hà. Vành chuông không có trang trí.

** Chuông chùa làng Bắc Vọng Đông*

Chùa Bắc Vọng Đông tọa lạc tại làng Bắc Vọng Đông, xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, thành phố

Huế, được đúc vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), do thượng thư Đặng Văn Hòa phụng cúng. Chuông cao 96cm, thân chuông cao 66cm, đường kính miệng chuông 46cm.

Quai chuông tạo hình bò lao với các mảng tạo đục tinh tế, nhiều chi tiết, nối với nhau ở giữa, tạo thành một cung tròn cao. Thân bao phủ bởi các vảy tròn lớn, lưng có các vảy tám giác nhọn. Bòm và đuôi là những dải dài, mềm, chót đuôi cuộn lại. Chân bò lao có năm móng, cùng với phần ức bám vào chuông.

Phần vai chuông có ba vòng ngang, nhỏ, không có trang trí. Phần thân chuông ở góc ô trang trí họa tiết hóa giao. Bốn nùm đánh chuông xung quanh có các chấm tròn chuỗi tràng hạt với đường nối giữa các nùm chuông là hai hàng ngang họa tiết hình hoa chanh. Bên dưới có các ô với họa tiết tứ linh. Sát vành chuông có một dải hồi văn kỹ hà. Vành chuông không có trang trí.

Về mặt trang trí, chuông chùa làng Bắc Vọng Đông và chuông chùa làng Bắc Vọng Tây có hầu hết các nét tương đồng với nhau.

Bảng so sánh các hồng chung

TT	Chùa	Năm chú tạo	Kích thước	Quai	Vai	Thân	Vành
1	Cảnh Phước - Làng Cao Đồi	1934, năm Bảo Đại thứ 10	Cao 86cm, đường kính miệng chuông 43cm	Hình bò lao có nhiều chi tiết, vảy tròn hình đồng xu, cùng hình sóng nước, vân mây kiểu xoắn ốc. Đuôi bò lao được tạo hình với các tua dài mảnh, một mặt nối với thân, mặt bên kia tạo hình nùm đuôi xòe ra như hình cánh hoa.	Không có trang trí	Trang trí góc hình kỹ hà, tứ linh, nùm chuông trang trí chấm tròn tràng hạt.	Không có trang trí.
2	Hội Thượng Làng Thượng An	1826, năm Minh Mạng thứ 7	Cao 97cm, đường kính miệng chuông 50cm	Thân bò lao tròn, nối với nhau tạo thành một hình vòng cung cao, trên thân bao phủ vảy với các nét khắc, kích cỡ vảy không đồng đều.	Không có trang trí	Hình bướm dơi trang trí góc, nùm đánh chuông không có trang trí.	Không có trang trí
3	La Chử - Làng La Chử	1791, năm Quang Trung thứ 4	Cao 120cm, đường kính miệng chuông 66cm	Thân bò lao lớn, hai phần thân nối với nhau tạo thành một cung tròn đều, các vảy bao phủ thân tạo khối nổi, bên trong vảy lớn có vảy nhỏ hơn. Chân bò lao lớn, khuỷu chân có u xoắn ốc.	Không có trang trí	Chữ triện trang trí trong hình lá đề, bát bửu, võ tương cầm khí giới, nùm đánh chuông có trang trí hình tràng hạt, hồi văn kỹ hà, tứ linh.	Không có trang trí
4	Linh Sơn - Làng Dạ Lê Thượng	1807, năm Gia Long thứ 6	Cao 132,5cm, đường kính miệng chuông 62cm	Thân bò lao tròn, hợp thành vòng cung thấp, thân bao phủ bởi các vảy tròn. Dọc trên thân là các vảy nhọn, sát dưới vảy thân và vảy chân và các u xoắn ốc. Chân bò lao được bao phủ bởi các vảy tròn.	Không có họa tiết	Dây lá đề, họa tiết góc đơn giản, bát bửu, bát quái, lưỡng long tranh châu. Nùm đánh chuông không có trang trí.	Trang trí dây hoa lá
5	Nam Sơn - Làng Thanh Thủy Thượng	1936, năm Bảo Đại thứ 12	Cao 80cm, đường kính miệng chuông 39cm.	Phần thân nối với nhau ở giữa, tạo thành một vòng cung tròn đầy đặn. Thân bò lao được bao phủ bởi các vảy tròn như vảy cá, dọc theo lưng có các vảy nhọn. Chân bò lao tạo khối hơi dẹt, nhỏ.	Trang trí hình lá bò đề	Họa tiết góc hình hoa cúc, hồi văn kỹ hà hình chữ vạn, nùm đánh chuông có trang trí các tia lửa, họa tiết rồng đuôi, chuỗi họa tiết hoa chanh.	Không có trang trí
6	Quang Bảo - Làng Phú Lễ	1848, Tự Đức nguyên niên	Cao 115cm, đường kính miệng chuông 51cm	Nhiều chi tiết tinh xảo, phần thân nối với nhau ở giữa, tạo thành một cung tròn cao, bao phủ bởi các vảy tròn, dọc theo lưng có các vảy nhọn. Đuôi bò lao là những dải dài, mềm, chân bò lao tạo khối hơi dẹt, nhỏ.	Không có trang trí	Họa tiết hoa lá, Chữ triện trang trí trong hình lá đề, họa tiết hình hoa chanh, họa tiết tứ linh. dải hồi văn kỹ hà. Bốn nùm đánh chuông trang trí các chấm tròn chuỗi tràng hạt.	Không có trang trí

7	Phước Yên - Làng Phước Yên	1833, năm Minh Mạng thứ 13	Cao 120cm, đường kính miệng chuông 55cm	được tạo hình chắc khỏe, phần thân nối với nhau ở giữa, tạo thành một vòng cung thấp. Phần nối giữa đầu và thân có các trang trí u nhỏ. Thân bồ lao được bao phủ bởi các vảy hình bầu dục, dọc theo lưng có các vảy hình tam giác. Chân bồ lao tạo thành một cung hơi tròn.	Không có trang trí	Chuỗi họa tiết hình lá đề, bát bửu, họa tiết góc kiêu kỳ hà, quẻ bát quái, lưỡng long tranh châu, núm đánh chuông không có trang trí.	Trang trí các hình sóng nước
8	Thanh Lương - Làng Thanh Lương	1831, năm Minh Mạng 12	Cao 114cm, đường kính miệng chuông 56cm	Cả khối hình bồ lao kết hợp với nhau tạo thành một vòng cung tròn đều. Thân bồ lao được bao phủ bởi các vảy khối nổi, trong mỗi vảy lớn có một vảy nhỏ hơn. Dọc theo lưng có các vảy kích thước lớn nhỏ không đồng nhất. Chân bồ lao tạo khối hơi dẹt, nhỏ.	Không có trang trí	Họa tiết góc hoa lá kỳ hà cách điệu, đường ngang với họa tiết hoa chanh, tứ linh, đường diềm nhỏ với các trang trí hoa văn kỳ hà với hình bát giác, hình chữ nhật, hình ngôi sao tám cánh lặp đi lặp lại, núm đánh chuông trang trí các chấm tròn trắng hạt.	Không có trang trí
9	Thiện Khánh - Làng Bắc Vọng Tây	1846, năm Thiệu Trị thứ 6	Cao 96cm, đường kính miệng chuông 46cm	Thân bồ lao được bao phủ bởi các vảy tròn, nối với nhau ở giữa, tạo thành một cung tròn cao. Dọc theo lưng có các vảy nhọn, Đuôi bồ lao là những dải dài, mềm, chót đuôi cuộn lại.	Không có trang trí	Họa tiết hoa lá kết hợp kỳ hà, hàng ngang họa tiết hình hoa chanh, họa tiết tứ linh, hồi văn kỳ hà, núm đánh chuông trang trí các chấm tròn trắng hạt.	Không có trang trí
10	Bác Vọng Đông - Làng Bắc Vọng Đông	1846, năm Thiệu Trị thứ 6	Chuông cao 96cm, đường kính miệng chuông 46cm	Thân bồ lao được bao phủ bởi các vảy tròn, nối với nhau ở giữa, tạo thành một cung tròn cao. Dọc theo lưng có các vảy nhọn, Đuôi bồ lao là những dải dài, mềm, chót đuôi cuộn lại.	Không có trang trí	Họa tiết hoa lá kết hợp kỳ hà, hàng ngang họa tiết hình hoa chanh, họa tiết tứ linh, hồi văn kỳ hà, núm đánh chuông trang trí các chấm tròn trắng hạt.	Không có trang trí

Theo so sánh trong nhóm hiện vật khảo cứu, chuông chùa làng La Chử có niên đại sớm nhất, năm 1791 và chuông chùa Nam Sơn có niên đại trẻ nhất, năm 1936; Về kích thước, chuông chùa Linh Sơn làng Dạ Lê Thượng có kích thước lớn nhất với chiều cao 132,5cm, chuông chùa Nam Sơn nhỏ nhất với chiều cao 80cm. Về hệ thống trang trí, các chuông có sự tương đồng nhau trong sử dụng các nhóm trang trí với quai chuông hình bồ lao có hai đầu, tuy nhiên ngoại trừ hai chuông chùa làng Bắc Vọng Đông và Bắc Vọng Tây có hầu hết các điểm giống nhau, các hình bồ lao được tạo hình có nhiều điểm khác nhau về hình dáng, tạo nên sự đặc trưng của từng chiếc chuông. Hầu hết phần vai chuông không có trang trí (9/10 chuông), 1 chuông có trang trí hình lá bồ đề. Trên thân chuông, có các trang trí được sử dụng nhiều là trang trí chuỗi lá bồ đề (2/10 chuông), bát bửu (3/10 chuông), họa tiết hoa chanh (5/10 chuông), họa tiết kỳ hà ở góc và diềm (8/10 chuông) hay họa tiết tứ linh, lưỡng long tranh châu, rồng đuôi (9/10 chuông), trang trí hình chuỗi trắng hạt quanh núm đánh chuông (6/10 chuông). Về vành chuông, hầu hết các chuông không có trang trí (8/10 chuông).

Trong các chuông được khảo cứu, có những chuông có các trang trí khác biệt như chuông làng

La Chử có các hình quan võ cầm khí giới, chuông làng Thượng An có trang trí góc hình con bướm doi theo lối mô tả chi tiết, chuông chùa Nam Sơn làng Thanh Thủy Thượng có trang trí góc hình hoa cúc, núm đánh chuông có trang trí các tia lửa, vành chuông chùa Linh Sơn làng Dạ Lê Thượng trang trí dải hoa lá, vành chuông chùa làng Phước Yên có trang trí các hình sóng nước.

4.3. Giá trị nghệ thuật trang trí trên chuông đồng tại các làng ở thành phố Huế

* Sự kết hợp giữa đề tài dân gian và cung đình

Được thể hiện trong các chuỗi họa tiết hoa chanh, họa tiết trang trí kỳ hà theo kiểu hoa văn dân tộc thiểu số, hình con bướm doi cùng với các mô típ chỉ có thể bắt gặp ở trang trí cung đình như bát bửu, tứ linh, lưỡng long tranh châu,...

* Sự xuất hiện của các biểu tượng đa tôn giáo

Với các hình ảnh thuộc Phật giáo – Nho giáo – Đạo giáo như họa tiết lá bồ đề, họa văn chữ vạn, hoa sen, tù và,... (Phật giáo) cùng với quẻ bát quái, bát bửu hình cây phật trần, quạt ba tiêu, đàn tỳ bà,... (Đạo giáo) và bát bửu hình guom, quạt, đôi bút, quyền thư,... (Nho giáo)...

* Kỹ thuật đúc đẹp và tinh tế

Với những quai chuông đặc tả nhiều chi tiết, dài đôi mềm mại, dài và mảnh, các u xoắn ốc xuất hiện nhiều.

* *Sự đa dạng trong thể hiện hình tượng trang trí*

Với cùng một chủ đề, mỗi chuông lại có sự thể hiện đa dạng, sự diễn hình khi mềm mại khi mạnh mẽ, như hình bô lao quai chuông với các độ cao cung tròn khác nhau, các tạo tác về độ lớn của thân, các hình dạng của vây, vẩy, đôi; các hình trong bát bửu, các dải hoa văn chạy dài quanh thân chuông khi là chữ vạn, hoa văn kỷ hà, khi là các dải hoa chanh với độ rộng các cánh, nhụy khác nhau...

5. Kết luận

Tài liệu tham khảo

Ấn, T. H., & Liêm, H. X. (2021). *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Văn hóa Sài Gòn.

Bình, P. T. (2022). *Nghệ thuật khảm sành sứ trong kiến trúc cung đình thời Nguyễn*. Thừa Thiên Huế: Nxb. Đại học Huế.

Bang, Đ. (2023). *Di sản đặc thù của Việt Nam - Kinh đô Huế*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.

Cánh, N. T. (1992). *Mỹ thuật Huế*. Hà Nội: Nxb. Mỹ thuật.

Đôn, L. Q. (1962). *Phủ Biên Tạp lục* (Nguyễn Ngọc Tĩnh, biên dịch). Hà Nội: Nxb. Sử học.

Đôn, L. Q. (2007). *Phủ Biên Tạp lục*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa thông tin.

Hằng, N. T. (2020). Le'opold Michel Cadière Edmond Gras (dịch). *Nghệ thuật Huế (L'art à Huế)*. Hà Nội: Nxb. Thế Giới.

Những năm gần đây, nghiên cứu về văn hóa, mỹ thuật ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong sự giữ gìn, kê thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Điều này càng được khẳng định hơn bởi sự lan toả các giá trị của văn hoá nghệ thuật từ những nghiên cứu trên các di vật hiện còn được lưu giữ. Thông qua nghiên cứu, nghệ thuật trang trí trên chuông đồng tại một số làng ở thành phố Huế cho thấy sự phong phú về thể loại, kiểu thức trang trí, mang giá trị cao về thẩm mỹ, góp phần quan trọng trong quá trình nghiên cứu về xây dựng tư liệu về hệ thống trang trí trên chuông chùa tại địa phương nói riêng và trong công tác bảo tồn di sản văn hóa Phật giáo nói chung.

Liêm, H. X. (2008). *Những chùa tháp Phật giáo ở Huế*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa thông tin.

Quang, Q. Đ. (2019). Léopold Michele Cadière và Edmond Gras (dịch và chủ giải). *Nghệ thuật và Nghệ nhân vùng kinh thành Huế*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.

Quốc Sử quán Triều Nguyễn. (1962). *Đại Nam Thực lục (tập 1 - Tiên biên)* (Nguyễn Ngọc Tĩnh, dịch). Hà Nội: Nxb. Hà Nội.

Sơn, T. Đ. A. (2021). *Kiểu Huế*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.

Thông, N. H. (1992). *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.

Vinh, Đ. T., & Hùng, L. C. (2008). *The Bell of the Bailin (Cypress Grove) Temple*. <http://www.china.org.cn/english/features/FbiCh/78918.htm>.

NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ TRÊN CHUÔNG ĐỒNG TÀI MỘT SỐ CHÙA LÀNG Ở THÀNH PHỐ HUẾ

Phan Lê Chung^a
Nguyễn Thị Hiền Lê^b; Lê Thị Thu Hương^c

^{a,b}Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

Email: ^aplchung@hue.edu.vn; ^bnthienle@hueuni.edu.vn

^cTrường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng; Email: huonglth@dau.edu.vn

Nhận bài: 19/12/2024; Phản biện: 30/12/2024; Tác giả sửa: 05/01/2025; Duyệt đăng: 13/01/2025; Phát hành: 28/02/2025

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/419>

Chùa làng có một vai trò và vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân tại thành phố Huế. Trải qua nhiều biến động lịch sử, nhiều bảo vật có giá trị trong chùa bị hư hại, mất mát nhưng hầu hết chuông chùa làng vẫn được người dân bảo quản và giữ gìn một cách cẩn thận. Chuông chùa không chỉ là pháp khí mà còn là tác phẩm ghi dấu ấn về điêu khắc mỹ thuật, kỹ thuật, trên đó mang các thông tin về niên đại, lịch sử, văn hóa, giáo lý, đặc trưng của từng thời kỳ..., là những bảo vật trong kho tàng di sản văn hóa Việt Nam. Bài viết đề cập đến hệ thống trang trí trên chuông đồng tại một số ngôi chùa ở làng quê thuộc thành phố Huế, với những nét đặc sắc, tạo nên dấu ấn riêng biệt, làm cơ sở xây dựng dữ liệu hình ảnh và dữ liệu vector phục vụ trong công tác nghiên cứu và ứng dụng.

Từ khóa: Trang trí; Chuông đồng; Bảo tồn văn hóa Phật giáo; Chùa làng; Thành phố Huế.